

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước và Quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 12/TTr-SCT ngày 14 tháng 01 năm 2026.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 10 danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước và Quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương và thay thế 10 danh mục thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1.1. Tại số thứ tự 01, 04, 07 mục II, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

1.2. Tại số thứ tự 01, mục VI và 01, mục X phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

1.3. Tại số thứ tự 11, mục I, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố sửa đổi, bổ sung và thay thế danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 và Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.4. Tại số thứ tự 12, 15 mục X, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

1.5. Tại số thứ tự 01, 02, mục I, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố sửa đổi, bổ sung và thay thế danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 và Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*(có Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Hậu**

**Phụ lục****Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước và Quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Cách thực thực hiện</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC</b>					
1	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ  Mã TTHC: 1.010696	05 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Dịch vụ công trực tuyến.	Không	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về hướng dẫn Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</li> <li>- <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ</i></li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</p> <p>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
2	<p>Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu</p> <p>Mã TTHC: 2.000673</p>	12 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 600.000 đồng;</li> <li>- Hoặc thực hiện theo các Thông tư miễn giảm phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính đang có hiệu lực (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 /9/2014 về kinh doanh xăng dầu;</li> <li>- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về hướng dẫn Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
3	<p>Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu</p> <p>Mã TTHC: 2.000648</p>	<p>14 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 600.000 đồng;</li> <li>- Hoặc thực hiện theo các Thông tư miễn giảm phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính đang</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 /9/2014 về kinh doanh xăng dầu;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					có hiệu lực (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</li> <li>- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương về hướng dẫn Nghị định số 83/2014/NĐ-</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</p> <p>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
4	<p>Cấp giấy phép phân phối rượu</p> <p>Mã TTHC: 1.003977</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến;</p> <p>- Qua bưu chính công ích</p>	<p>300.000 đồng theo Thông tư 64/2025/T T-BTC ngày 30/6/2025</p>	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
5	<p>Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá</p> <p>Mã TTHC: 1.001338</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Trực tuyến;</p> <p>- Qua bưu chính công ích</p>	<p>300.000 đồng theo Thông tư 64/2025/T T-BTC ngày 30/6/2025</p>	<p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;</li> <li>- <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i></li> <li>- <i>Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về</i></li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<i>việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</i>
6	Cấp Giấy phép bán buôn rượu Mã TTHC: 2.001624	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua bưu chính công ích	300.000 đồng theo Thông tư 64/2025/T T-BTC ngày 30/6/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</li> <li>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá Mã TTHC: 2.000190	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua bưu chính công ích	300.000 đồng theo Thông tư 64/2025/T T-BTC ngày 30/6/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</li> <li>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<i>thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</i>
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP</b>					
1	<p>Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương</p> <p>Mã TTHC: 2.000309</p>	10 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;</li> <li>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2023 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;</li> <li>- Nghị định 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;</li> <li>- <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i></li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
2	<p>Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương</p> <p>Mã TTHC: 2.000631</p>	<p>07 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.</li> <li>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2023 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;</li> <li>- Nghị định 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;</li> <li>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p><i>quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</i></p> <p><i>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</i></p>
3	<p>Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp</p> <p>Mã TTHC: 2.001573</p>	10 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND tỉnh tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục hành chính công cấp xã</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;</li> <li>- Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2023 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;</li> <li>- Nghị định 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Quyết định số 3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>

*Ghi chú: Chữ in nghiêng là sửa đổi, bổ sung./.*